

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 479/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-6-2022  
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Tạ Công Minh

2/ Ông Nguyễn Hoàng Thái

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp VP, xã VK, huyện CT, tỉnh TG.

*Bị đơn:* **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp VP, xã VK, huyện CT, tỉnh TG.

(Chị T có mặt; anh H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Minh H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VK, huyện CT, tỉnh TG. Thời

gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị T và anh H đã ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

- Về con chung: Chị T và anh H có hai con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 19/11/2000 và Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 17/01/2004, hiện đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn anh Nguyễn Minh H dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] – Về tố tụng:** Bị đơn anh Nguyễn Minh H dù đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H.

**[2] – Về nội dung yêu cầu:** Chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh H. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị T và anh H xác lập hôn nhân vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị T và anh H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, anh H không quan tâm, chăm sóc vợ con. Chị T và anh H đã ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với bị đơn anh Nguyễn Minh H dù đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, đồng thời tại phiên tòa anh H vắng mặt, chứng tỏ anh H không có ý định hàn gắn hạnh phúc gia đình, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Chị T và anh H có hai con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 19/11/2000 và Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 17/01/2004, hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung chị T không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T.

- Chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004065 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã VK;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Chinh**